

Hoàng Mai, ngày 20 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1017/2019/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc T- sinh năm 1986

ĐKKHKT: Số 13A T, phường H, quận H, TP. Hà Nội

Chỗ ở: 156 N, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức P - sinh năm 1984

ĐKKHKT: Tổ 3, Bàng A, phường H, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Số 74, ngõ 37 phố B, phường H, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Căn cứ vào Điều 54, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; điểm 1.1 khoản1 phần II Danh mục án phí, lệ phí.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

CHỊ TRẦN NGỌC T VÀ ANH NGUYỄN ĐỨC P

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Đức P xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Đức Ngọc L – sinh ngày 23/02/2012. Khi ly hôn, anh P, chị T thống nhất thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Đức Ngọc L – sinh ngày 23/02/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục kể từ tháng 12/2019 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con anh P, chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đức P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung là động sản, nhà đất ở chung: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Đức P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Đức P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Trần Ngọc T tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai lai số AA/2018/0004833 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Trả lại cho chị Trần Ngọc T 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:.

- Các đ- ơng sự;
- VKSND Q. Hoàng Mai;
- UBND phường P, quận H, Hà Nội, Số 161 ngày 19/12/2011
- L- ụ hồ sơ vụ án./.

Thẩm phán

Trần Thị Thúy Hà